

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quyết định biên chế công chức, phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHÓA X, KỶ HỌP THỨ 17 (KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2375-QĐ/BTCTW ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bắc Kạn năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1241-QĐ/TU ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế khối chính quyền tỉnh năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 1392-TB/TU ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương giao biên chế các Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2024;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức, phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024, như sau:

1. Tổng biên chế công chức: 1.459 biên chế.

2. Tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 8.822 người, trong đó:

- a) Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 7.047 người.
- b) Sự nghiệp y tế: 991 người.
- c) Sự nghiệp văn hóa, thể thao và thông tin: 272 người.
- d) Sự nghiệp khoa học: 15 người.
- đ) Sự nghiệp khác: 497 người.

3. Số lượng người làm việc trong các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 59 người.

(Có các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 17 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

Phụ lục I
QUYẾT ĐỊNH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Đơn vị	Biên chế giao
	TỔNG CỘNG	1.459
A	CẤP TỈNH	879
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	31
	- Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách	08
	- Công chức Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	23
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	41
3	Sở Nội vụ	47
4	Sở Tư pháp	26
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32
6	Sở Tài chính	40
7	Sở Công Thương	28
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	259
9	Sở Giao thông vận tải	45
10	Sở Xây dựng	34
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	37
12	Sở Thông tin và Truyền thông	24
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	33
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36
15	Sở Khoa học và Công nghệ	26
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	38
17	Sở Y tế	50
18	Thanh tra tỉnh	26
19	Ban Dân tộc tỉnh	14
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	12

STT	Đơn vị	Biên chế giao
B	CẤP HUYỆN	580
1	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	77
2	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	73
3	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	70
4	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	74
5	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	73
6	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	71
7	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	71
8	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	71

Phụ lục II
PHÊ DUYỆT TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					
		Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa, thể thao và thông tin	Sự nghiệp khoa học	Sự nghiệp khác	Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8=3+4+5+6+7
TỔNG CỘNG		7.047	991	272	15	497	8.822
A	CÁC SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG	695	990	109	15	338	2.147
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh					17	17
2	Sở Nội vụ					14	14
3	Sở Tư pháp					35	35
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư					10	10
5	Sở Công Thương					14	14
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					85	85
7	Sở Tài nguyên và Môi trường					52	52
8	Sở Thông tin và Truyền thông					19	19
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3	23			42	68
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			109		3	112

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					
		Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa, thể thao và thông tin	Sự nghiệp khoa học	Sự nghiệp khác	Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8=3+4+5+6+7
11	Sở Khoa học và Công nghệ				15		15
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	692					692
13	Sở Y tế		967			37	1.004
14	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh					10	10
B	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH	85	1	56		64	206
1	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể					64	64
2	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	85	1				86
3	Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn			56			56
C	ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	6.267		107		95	6.469
1	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	632		14		18	664
2	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	979		14		11	1.004
3	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	647		13		10	670
4	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	980		14		13	1.007

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					
		Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hóa, thể thao và thông tin	Sự nghiệp khoa học	Sự nghiệp khác	Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8=3+4+5+6+7
5	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	912		12		11	935
6	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	605		14		11	630
7	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	712		14		10	736
8	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	800		12		11	823

Phụ lục III
PHÊ DUYỆT SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC HỘI
QUẦN CHÚNG ĐƯỢC ĐĂNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	59	
I	CẤP TỈNH	51	Tổ chức hội cấp tỉnh
1	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	7	
2	Hội Đông y tỉnh	7	
3	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	8	
4	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	14	
5	Hội Nhà báo tỉnh	4	
6	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN tỉnh	1	
7	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh	1	
8	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh	2	
9	Hội Khuyến học tỉnh	2	
10	Hội Luật gia tỉnh	1	
11	Ban đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh	1	
12	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh	3	

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc	Ghi chú
1	2	3	4
II	CẤP HUYỆN	8	Hội Chữ thập đỏ cấp huyện
1	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	1	
2	Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể	1	
3	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	1	
4	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn	1	
5	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	1	
6	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	1	
7	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	1	
8	Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm	1	